

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN ĐẮK C

TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thom

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Thề.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 215/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn T Thanh K (Nguyễn Thị K). Địa chỉ: Thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (có mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Trường V (Phạm Văn V). Địa chỉ: Thôn 14, xã Nam Dong, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Phạm Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 04/04/2008. Địa chỉ: Thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp cho cháu Đoan: Bà Nguyễn Thị K. Địa chỉ: Thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Năm 1997 bà K cùng ông V tự nguyện chung sống với nhau không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C. Quá trình chung sống hạnh phúc được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, từ đó bà K thấy vợ chồng không còn tình cảm, hiện nay bà K và ông V sống ly thân được hơn một năm, nên bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V.

Về con chung: Ông V và bà K có 02 con chung là Phạm Tiến M, sinh năm 1998 và Phạm Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 04/04/2008. Nguyên vọng bà K yêu cầu nuôi con Phạm Nguyễn Tâm Đ đến đủ 18 tuổi không yêu cầu ông V trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông V trình bày: Năm 1997 ông V và bà K tự nguyện tự nguyện chung sống với nhau không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C. Ông V cùng bà K sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, bà K thường xuyên vắng nhà, không quan tâm gì đến chồng con, từ đó phát sinh mâu thuẫn. Nay bà K khởi kiện ly hôn thì ông V không đồng ý ly hôn vì ông V còn thương yêu bà K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng đối với bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà K được ly hôn với ông V và cho bà K được nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông V và yêu cầu giải quyết về con chung, nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện C, do đó đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C;

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, ông V không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông V theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xử vắng mặt ông V.

[3]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông V có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà K với ông V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn giữa bà K và ông V sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm gì đến nhau, từ đó bà K thường xuyên đi làm ăn xa và vắng nhà, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà K cho rằng tình cảm giữa bà K và ông V đã thật sự tan vỡ, không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên bà K yêu cầu Tòa án giải

quyết được ly hôn với ông V. Ông V cho rằng, trong cuộc sống gia đình, bà K và ông V cũng có mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bà K không quan tâm gì đến chồng con, thường xuyên vắng nhà nhưng tình cảm giữa bà K và ông V vẫn còn nên ông V không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh địa phương cung cấp thông tin: Bà K và ông V mâu thuẫn về kinh tế, hiện nay bà K và ông V đã sống ly thân.

Tại khoản 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động khác..."* không thể chung sống bên nhau được. Trong khi đó giữa bà K với ông V có đủ điều kiện để chung sống bên nhau, nhưng không thể chung sống với nhau được và đã sống ly thân nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà K và ông V từ năm đầu năm 2017 đến nay giữa bà K và ông V không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đó làm, hiện tại đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà K được ly hôn với ông V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Bà K yêu cầu được nuôi con Phạm Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 04/04/2008 đến đủ 18 tuổi không yêu cầu trợ cấp nuôi con. Ông V cho rằng nếu bà K kiên quyết ly hôn thì ông V yêu cầu nuôi con Phạm Nguyễn Tâm Đ đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu trợ cấp nuôi con. Tuy nhiên cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con Phạm Nguyễn Tâm Đ cho chị K trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp với luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6]. Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Các điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T Thanh K (Nguyễn Thị K).

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn T Thanh K (Nguyễn Thị K) được ly hôn với ông Phạm Trường V (Phạm Văn V)

2. Về con chung: Giao con Phạm Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 04/04/2008 cho bà K được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) bà K không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận yêu cầu thay đổi, người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí: Buộc bà K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ bà K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000996 ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan